

Bản án số: 19/2021/HNGĐ - ST
Ngày 30-6-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Dũng.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Anh T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 25-12-2007 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị thậm tệ, chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, mặc dù anh chị vẫn sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Anh T.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Anh T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Lê Thị L đúng như chị L đã trình bày. Anh T xác định sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách nói năng, tranh luận cũng như cách nuôi dạy con cái của anh chị không đồng nhất với nhau, bản thân chị L hay tỏ ra vô tâm đối với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh có nguyện vọng mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, còn nếu chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Lê Quang H, sinh ngày 18-6-2009 và Lê Anh V, sinh ngày 02-7-2012. Quan điểm của chị L xin được nuôi dưỡng cháu H, giao cho anh T nuôi dưỡng cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Quan điểm của anh T xin được nuôi dưỡng cả hai cháu H, V và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị L và anh T thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị L, anh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Lê Anh T. Về con chung: Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 18-6-

2009 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi lao động và tự lập được; giao cháu Lê Anh V, sinh ngày 02-7-2012 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi lao động và tự lập được. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là anh Lê Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Lê Anh T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 25-12-2007 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi, chửi nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T; còn anh T mặc dù có nguyện vọng mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế, nếu chị L vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác minh tại địa phương, chị L và anh T mâu thuẫn là do nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, mặc dù anh chị sống chung cùng một nhà nhưng không có sự yêu thương chăm sóc nhau, việc của ai người đó làm, hai bên không quan tâm đến nhau khiến cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị L được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh T có hai con chung là Lê Quang H, sinh ngày 18-6-2009 và Lê Anh V, sinh ngày 02-7-2012. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như khả năng kinh tế của từng người. Xét thấy hiện nay chị L đang là giáo viên Trường Mầm non xã T, còn anh T

đang làm tại Công ty Cổ phần xi măng B, cả hai đều có thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu H tha thiết xin được ở với mẹ, còn nguyện vọng của cháu V tha thiết xin được ở với bố, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị L được quyền nuôi dưỡng cháu H, giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu V, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị L và anh T cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Lê Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 18-6-2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Anh V, sinh ngày 02-7-2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L, anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị L, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004278 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị L đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị L biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

